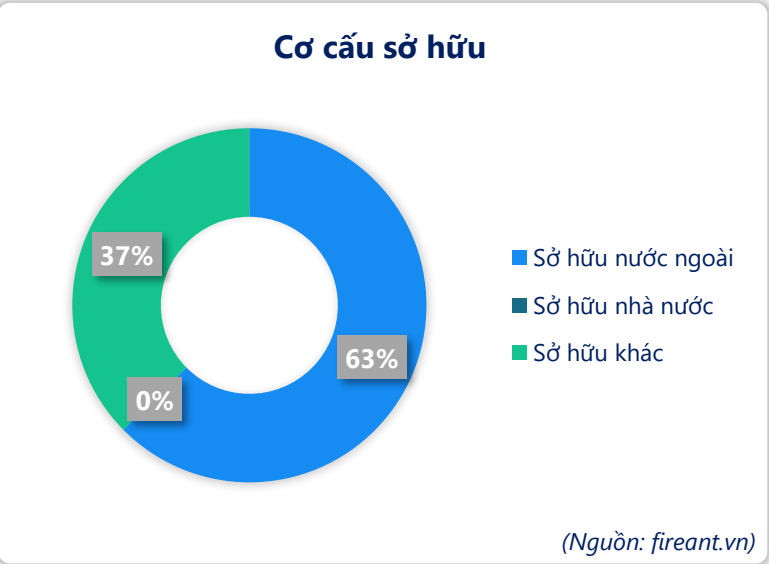
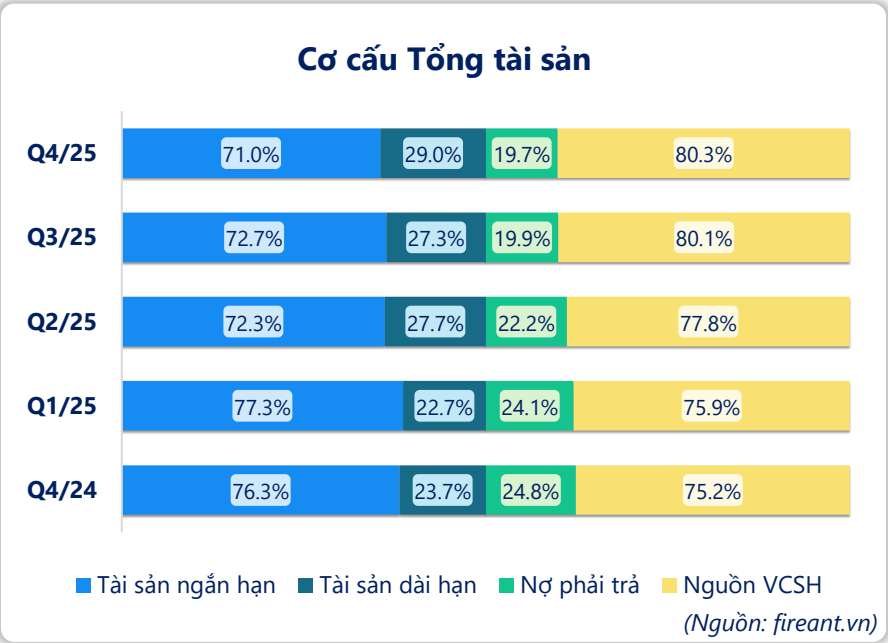
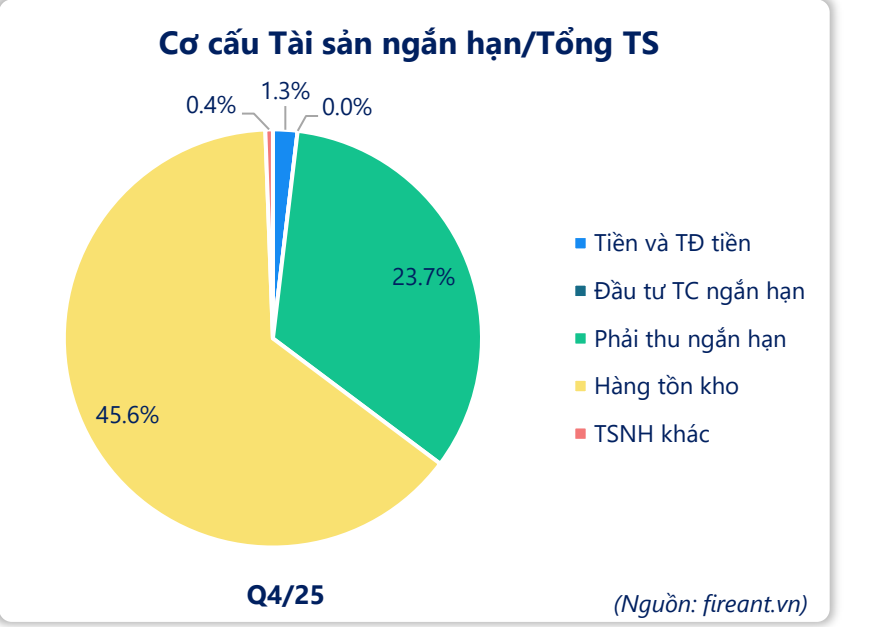
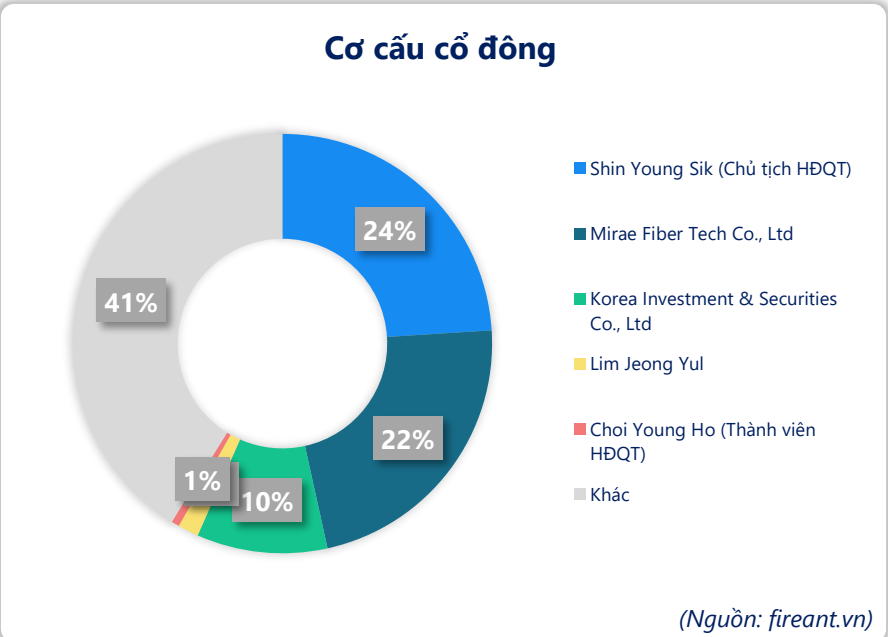
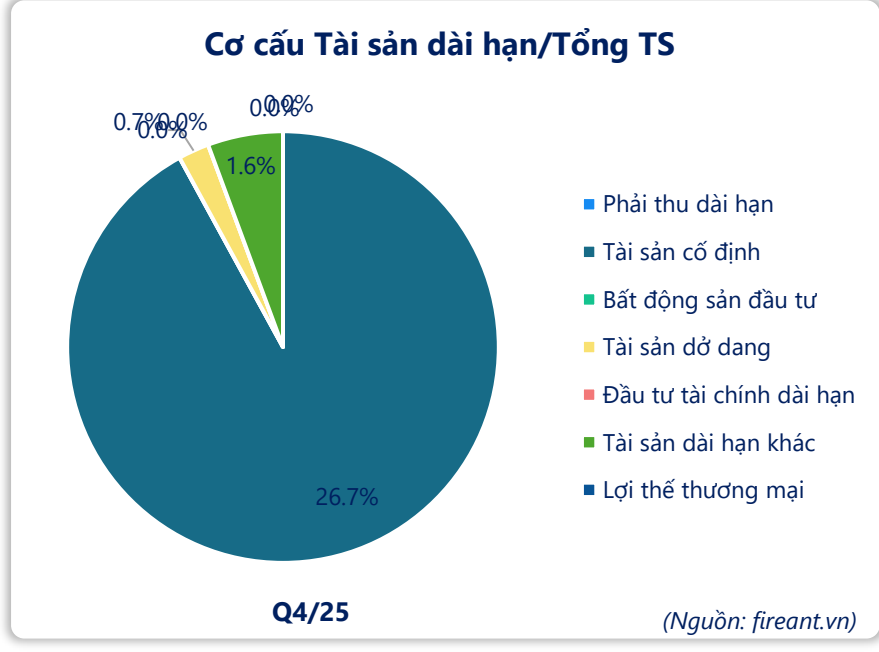
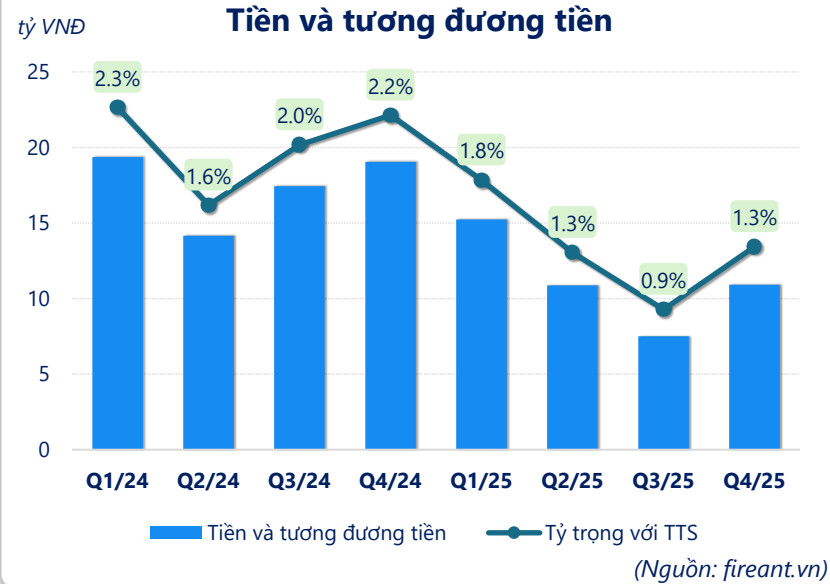
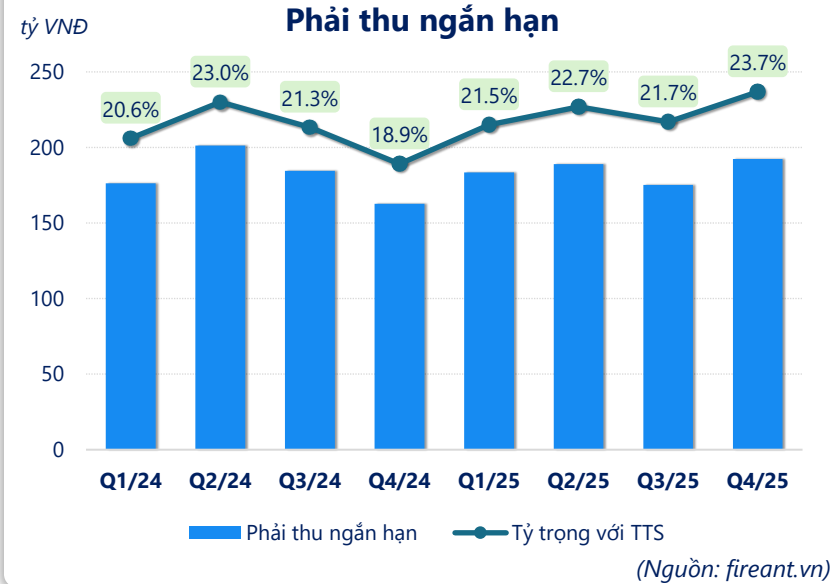
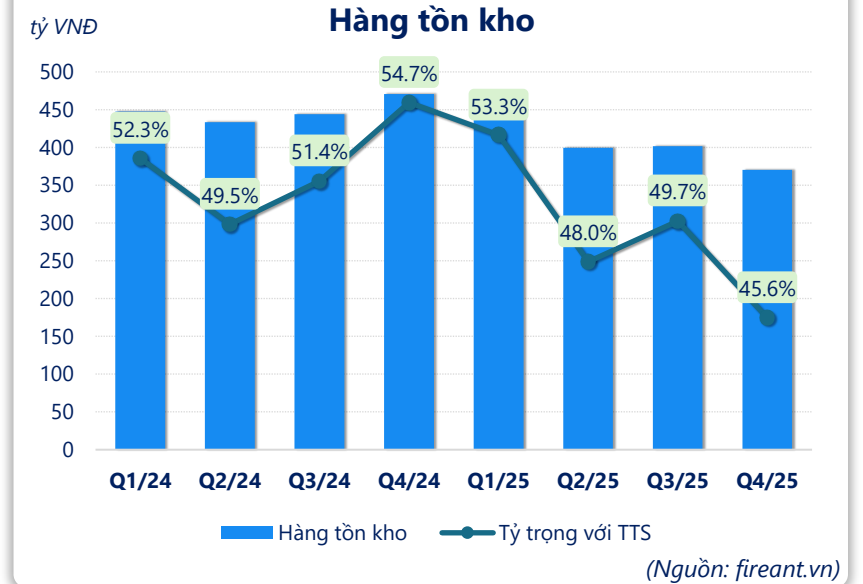
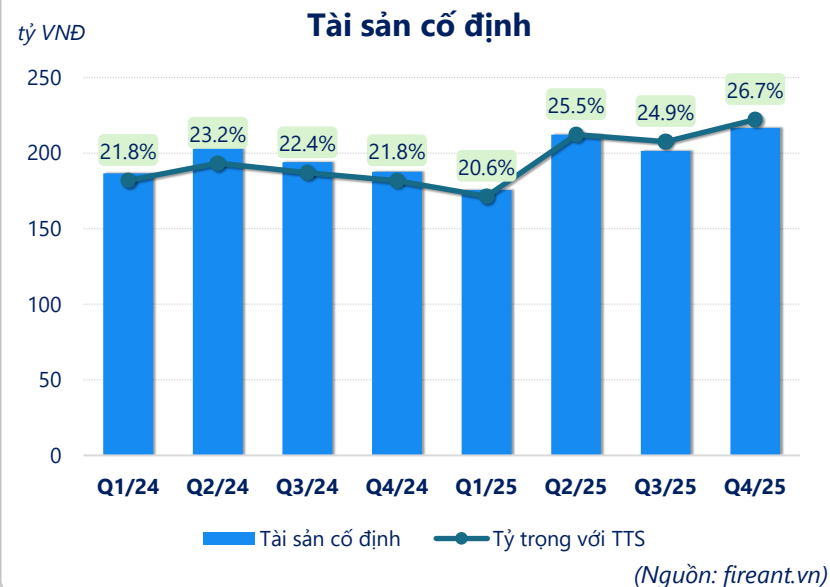
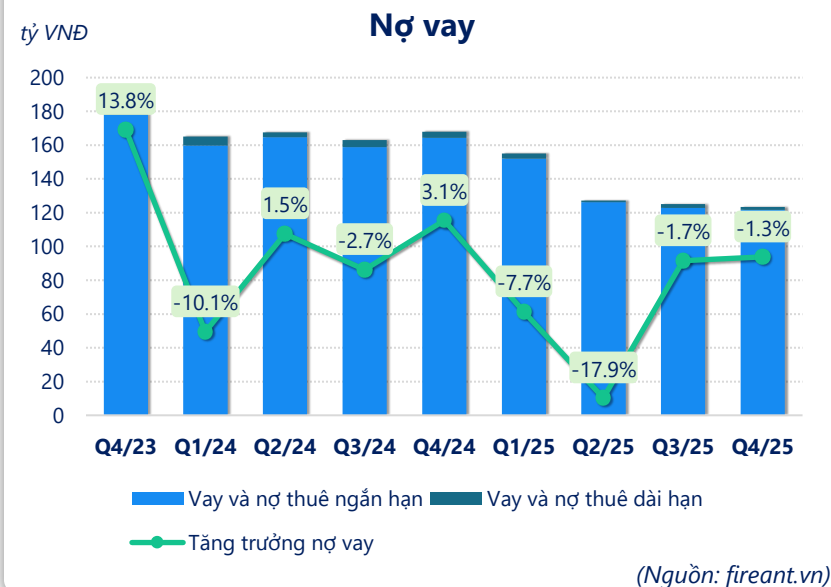
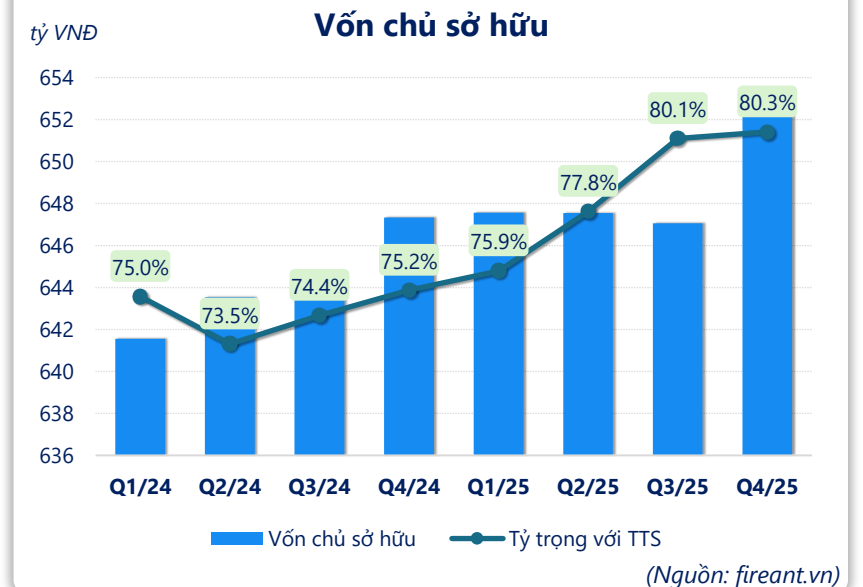
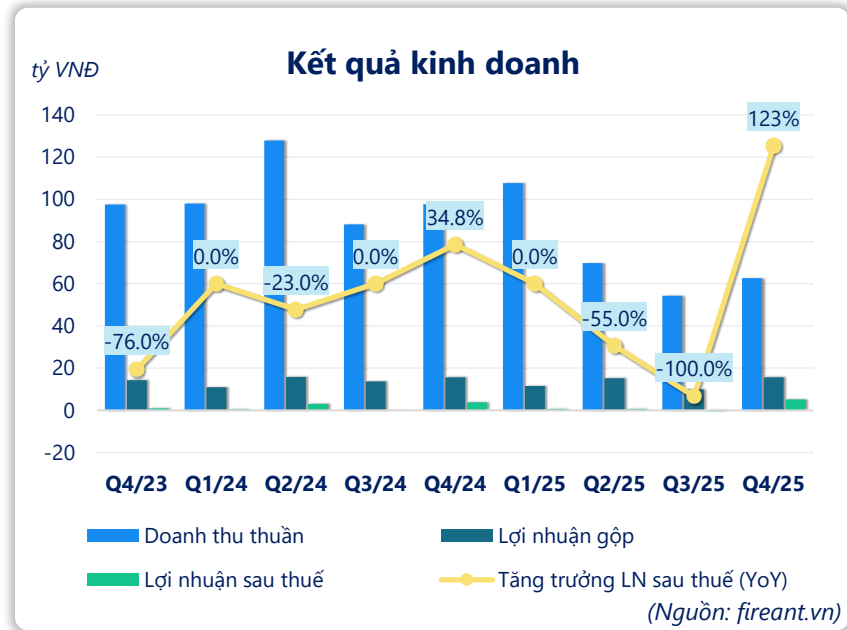
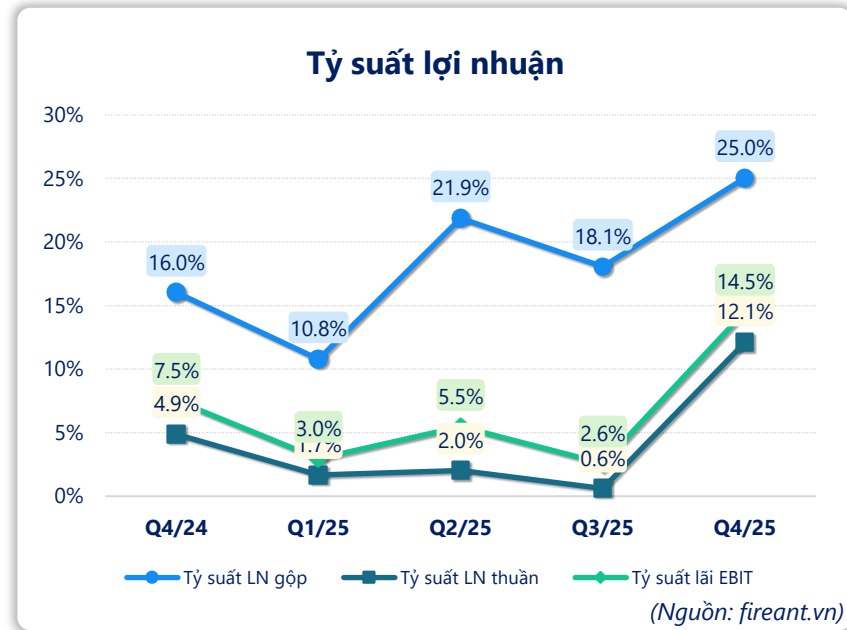
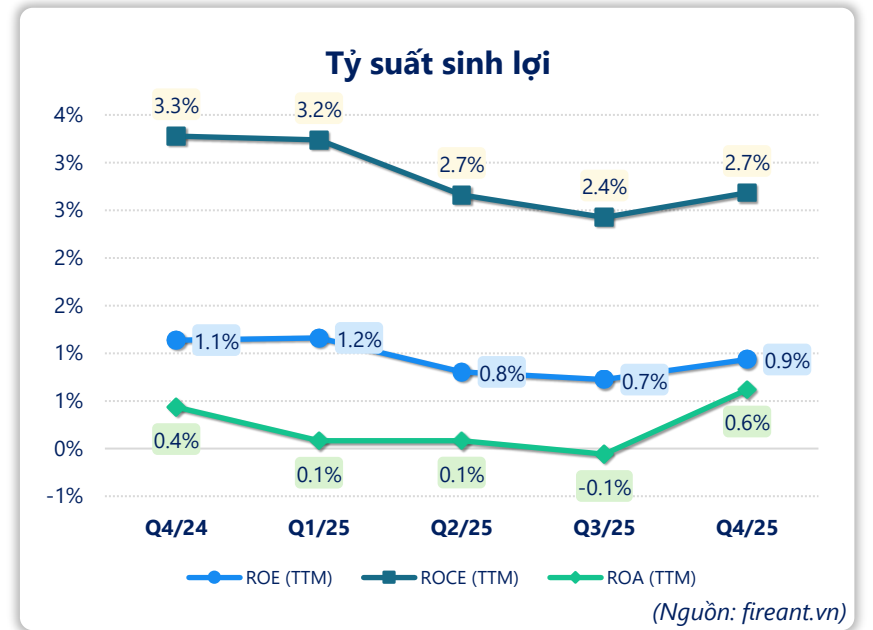
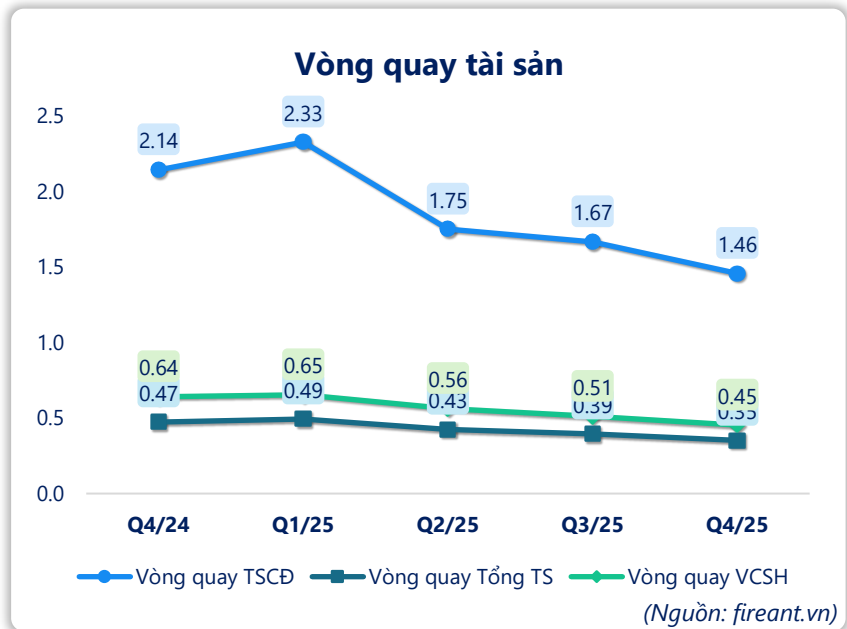
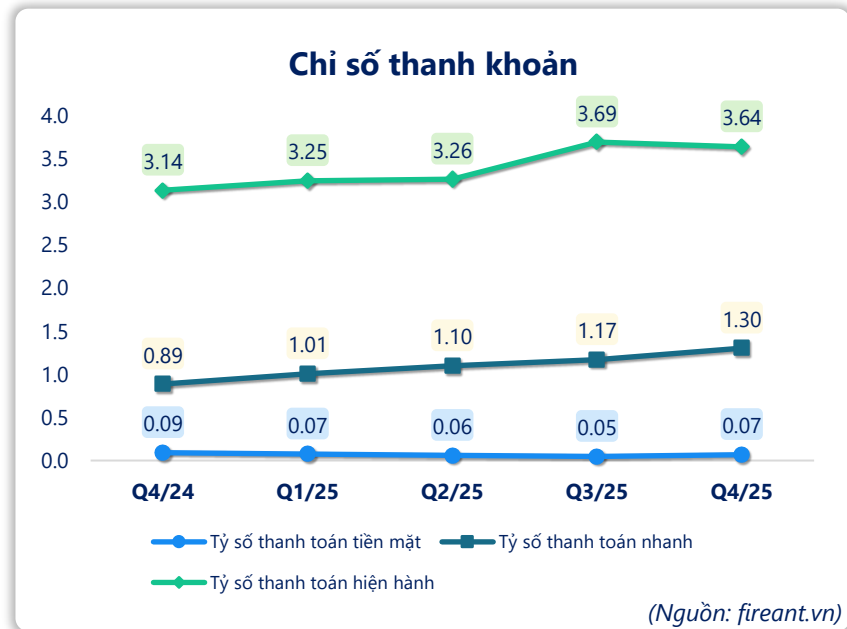
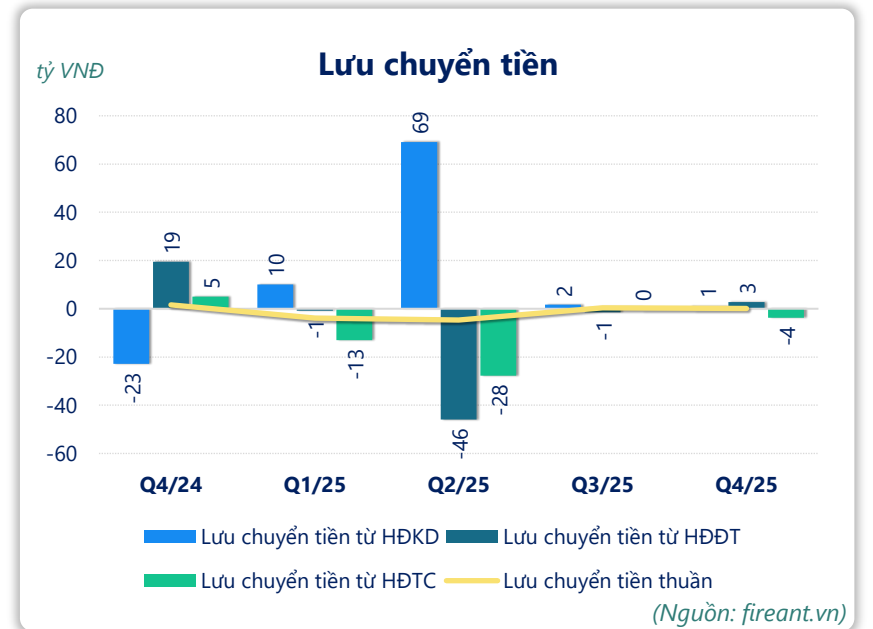


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,960
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,470
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,830
SL cổ phiếu LH		56,877,807
KLGD BQ 20 phiên (CP)		7,245
% sở hữu nước ngoài		62.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		168
P/E		27.7
EPS		107

	YTD	1T	3T	6T
KMR	-8.6%	-0.3%	-3.3%	-3.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	812	861	-5.6%
Tài sản ngắn hạn	577	657	-12.1%
Tiền và tương đương tiền	10.9	19.0	-42.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	192	163	18.1%
Hàng tồn kho	370	471	-21.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.37	4.01	-16.0%
Tài sản dài hạn	235	204	15.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	217	186	16.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.45	5.59	-2.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	13.3	12.6	5.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	160	214	-25.0%
Nợ ngắn hạn	159	212	-25.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	122	166	-26.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.7	19.9	-20.8%
Nợ dài hạn	1.70	2.03	-16.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.70	2.03	-16.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	652	647	0.8%
Vốn chủ sở hữu	652	647	0.8%
Vốn điều lệ	569	569	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	97.6	108	69.7	54.4	62.7
Giá vốn hàng bán	82.0	96.1	54.5	44.5	47.0
Lợi nhuận gộp	15.6	11.6	15.2	9.82	15.7
Doanh thu HĐTC	2.84	0.34	1.10	-0.28	1.35
Chi phí TC	4.55	2.49	2.95	1.97	2.38
Chi phí lãi vay	2.70	2.49	2.62	1.89	2.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.84	3.66	4.36	3.04	3.25
Chi phí QLDN	5.33	3.99	7.63	4.19	3.83
LN thuần từ HĐKD	4.76	1.80	1.41	0.33	7.58
Lợi nhuận khác	-0.13	-1.11	-0.22	-0.82	-0.49
LN trước thuế	4.63	0.69	1.20	-0.49	7.09
Lợi nhuận sau thuế	3.76	0.69	0.70	-0.49	5.17
LNST của CĐ cty mẹ	3.76	0.69	0.70	-0.49	5.17

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-22.8	10.1	69.1	1.75	1.04
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	19.4	-0.87	-46.0	-1.44	2.74
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.01	-13.0	-27.8	0	-3.73
Tiền đầu kỳ	17.4	19.0	15.2	10.9	10.9
Lưu chuyển tiền thuần	1.61	-3.81	-4.68	0.31	0.05
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.31	-0.31	0
Tiền cuối kỳ	19.0	15.2	10.9	10.9	10.9

(Nguồn: fireant.vn)